

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KỲ I (2021-2022)

MÔN: LỊCH SỬ 12

BÀI 12. PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1925

Câu 1. Mục đích Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam là

- A. để bù đắp thiệt hại do chiến tranh thế giới thứ nhất gây ra.
- B. để bù vào thiệt hại trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
- C. để khẳng định vị thế kinh tế của Pháp trong thế giới tư bản.
- D. để thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam.

Câu 2. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, tư bản Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành

- A. công nghiệp chế biến.
- B. nông nghiệp và khai mỏ.
- C. nông nghiệp và thương nghiệp.
- D. giao thông và khai mỏ.

Câu 3. Lĩnh vực nào thực dân Pháp **không** tiến hành trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?

- A. Nông nghiệp.
- B. Công nghiệp.
- C. Thương nghiệp.
- D. Dịch vụ.

Câu 7. Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội XVIII Đảng xã hội Pháp tại thành phố nào?

- A. Pari.
- B. Tua.
- C. Mác xây.
- D. Lion.

Câu 8. Pháp đã tiến hành những việc làm gì ở các nước thuộc địa để bù đắp những thiệt hại về kinh tế sau chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Bóc lột nhân dân các nước thuộc địa.
- B. Khuyến khích phát triển kinh tế ở các nước thuộc địa.
- C. Tăng cường buôn bán với các nước thuộc địa.
- D. Tiến hành chương trình khai thác thuộc địa.

Câu 9. Nguyễn Ái Quốc cùng một số người yêu nước Tuynidi, Ma rốc thành lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pa-ri nhằm

- A. tập hợp lực lượng chống thực dân Pháp.
- B. tập hợp nhân dân thuộc địa, trên đất Pháp chống chủ nghĩa thực dân.
- C. tập hợp nhân dân thuộc địa ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Pháp.
- D. tập hợp nhân dân thuộc địa biểu tình chống thực dân Pháp.

Câu 10. Đảng nào dưới đây là của tiểu tư sản trí thức giai đoạn 1919- 1925?

- A. Đảng Lập hiến
- B. Đảng Thanh niên.
- C. Đảng Tân Việt.
- D. Đảng cộng sản.

Câu 11. Nội dung nào **không** phải công lao đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc đối với cách mạng Việt Nam.

- A. Chuẩn bị về tư tưởng cho cách mạng Việt Nam. B. Chuẩn bị về tổ chức, cho cách mạng Việt Nam.
C. Tìm ra con đường cách mạng vô sản. **D. Chủ trì hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.**

Câu 12. Mục đích cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam là

- A. phát triển kinh tế, xã hội Việt Nam. B. thực hiện chính sách Kinh tế chỉ huy
C. bù đắp những thiệt hại của chiến tranh thế giới thứ nhất.
D. bù vào những thiệt hại của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Câu 13. Đến năm 1929, số lượng giai cấp công nhân Việt Nam có khoảng

- A. 15 vạn B. 20 vạn C. 21 vạn **D. trên 22 vạn**

Câu 14. Nắm quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương là

- A. Bộ thuộc địa Pháp. B. Toàn quyền Đông Dương. C. Kho bạc nhà nước. **D. Ngân hàng Đông Dương.**

Câu 15. Tên gọi là Nguyễn Ái Quốc được Người sử dụng đầu tiên khi

- A. trở lại Pháp hoạt động (1917). B. gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919).
C. gửi đến Hội nghị Véc xai Bản yêu sách của nhân dân An Nam (1919)
D. gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp (1920)

Câu 16. Nguyễn Ái Quốc gửi Bản yêu sách của nhân dân An Nam đến Hội nghị Vecxai vào năm

- A. 1917. B. 1918. **C. 1919.** D. 1920.

Câu 17. Tình hình nước Pháp sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. chính trị khủng hoảng. **B. kinh tế bị thiệt hại nặng nề.**
C. kinh tế phát triển nhanh chóng. D. nước Pháp bị cô lập trên thế giới.

Câu 18. Thiệt hại về vật chất của nước Pháp trong chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. 50 tỉ phrăng. B. 100 tỉ phrăng. C. 150 tỉ phrăng. **D. 200 tỉ phrăng.**

Câu 19. Đặc điểm của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam là

- A. đầu tư máy móc, khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp. B. đầu tư chủ yếu vào công nghiệp và thương nghiệp.
C. đầu tư vốn nhiều vào khai thác mỏ. **D. đầu tư với tốc độ nhanh, qui mô lớn vào các ngành kinh tế.**

Câu 20. Mục đích thực dân Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ 2 là

- A. cột chặt nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào kinh tế Pháp.**
B. biến Việt Nam thành căn cứ quân sự, chính trị của Pháp.
C. biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ hàng hoá cho Pháp
D. tạo điều kiện cho kinh tế nông nghiệp phát triển

Câu 21. Để nắm chặt thị trường Việt Nam, tư bản Pháp đã thực hiện chính sách gì?

- A. Cấm hàng hoá nước ngoài nhập vào thị trường Việt Nam.
- B. Đánh thuế nặng vào hàng hoá các nước ngoài nhập vào Việt Nam.**
- C. Khuyến khích sự phát triển, trao đổi của nền kinh tế nội thương.
- D. Xóa bỏ thuế quan cho phép hàng hoá các nước nhập vào Việt Nam.

Câu 23. Con đường giành độc lập và tự do của nhân dân Việt Nam được Nguyễn Ái Quốc xác định là

- A. cách mạng vô sản.**
- B. cách mạng tư sản.
- C. cách mạng tư sản dân quyền.
- D. cách mạng ruộng đất.

Câu 24. Thái độ chính trị của bộ phận đại địa chủ đối với thực dân Pháp là

- A. sẵn sàng thoả hiệp với thực dân Pháp để chống lại tư sản dân tộc.
- B. sẵn sàng thoả hiệp với thực dân Pháp để hưởng quyền lợi.**
- C. sẵn sàng đứng lên chống thực dân Pháp khi bị ảnh hưởng quyền lợi kinh tế.
- D. sẵn sàng phối hợp với các giai cấp khác để chống lại thực dân Pháp.

Câu 25. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng nào?

- A. Đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến nhất, sông tập trung.
- B. Có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm, chịu ba tầng áp bức.
- C. Sống tập trung trong các trung tâm công nghiệp, có tinh thần yêu nước.
- D. Chịu ba tầng áp bức bóc lột, có quan hệ gắn bó với nông dân, kế thừa truyền thống của dân tộc.**

Câu 26. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, ngoài thực dân Pháp còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng ?

- A. Công nhân và nông dân.
- B. Trung, tiểu địa chủ và tư sản dân tộc.
- C. Đại địa chủ và tư sản mại bản.**
- D. Tư sản và địa chủ.

Câu 27. Mâu thuẫn cơ bản nhất trong xã hội Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.**
- B. mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.
- C. mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với chính quyền thực dân Pháp.
- D. mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với thực dân Pháp và giai cấp tư sản.

Câu 28. Thái độ chính trị của tầng lớp tư sản dân tộc Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. kiên định với thực dân Pháp.
- B. sẵn sàng đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp.
- C. có tinh thần cách mạng triệt để trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.
- D. có thái độ không kiên định, dễ thoả hiệp, cải lương khi đế quốc mạnh.**

Câu 29. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc bước đầu tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn?

- A. Đưa Bản yêu sách đến Hội nghị Vécxai (1919).
- B. Đọc Luận cương của Lênin về các vấn đề dân tộc thuộc địa (1920).**
- C. Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp (1920).
- D. Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa ở Pari (1921).

Câu 30. Những giai cấp nào mới ra đời do tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam?

- A. Công nhân, nông dân, tư sản, tiểu tư sản.
- B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản, địa chủ phong kiến.**
- C. Công nhân, tư sản, địa chủ phong kiến, nông dân.
- D. Công nhân, tư sản, tiểu tư sản, nông dân, địa chủ phong kiến.

Câu 31. “Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình” là kết luận được Nguyễn Ái Quốc rút ra sau khi

- A. gửi Bản yêu sách đến hội nghị Vécxai.**
- B. đọc Bản Sơ thảo Luận cương của Lênin.
- C. thành lập Hội liên hiệp dân tộc thuộc địa.
- D. tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế cộng sản.

Câu 32. Cuộc đấu tranh nào của công nhân bước đầu thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế?

- A. Bãi công của công nhân Ba Son .**
- B. Bãi công của công nhân mỏ than Mạo Khê.
- C. Bãi công của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng.
- D. Bãi công của công nhân đồn điền cao su Cam Tiêm.

Câu 33. Giai cấp nắm sứ mệnh lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là

- A. giai cấp tiểu tư sản.
- B. giai cấp tư sản.
- C. giai cấp công nhân**
- D. giai cấp nông dân.

Câu 34. Lực lượng nòng cốt của giai cấp tiểu tư sản trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc là

- A. tiểu thương, tiểu chủ.
- B. học sinh, sinh viên.
- B. tiểu tư sản trí thức**
- D. dân nghèo thành thị.

Câu 35. Những giai cấp nào mới ra đời do tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam ?

- A. Công nhân, nông dân, tư sản, tiểu tư sản.
- B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản, địa chủ phong kiến.?????**
- C. Công nhân, tư sản, địa chủ phong kiến, nông dân.
- D. Công nhân, tư sản, tiểu tư sản, nông dân, địa chủ phong kiến.

Câu 36. Lực lượng đông đảo và hăng hái nhất của cách mạng Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất là

- A. nông dân.**
- B. công nhân.
- C. tiểu tư sản.
- D. tư sản dân tộc.

Câu 37. Sự kiện có ý nghĩa đánh dấu bước ngoặt về tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc là

- A. gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1917).
- B. đọc Sơ thảo của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (1920).**

- C. được bầu vào ban chấp hành Hội nông dân quốc tế (1923).
D. tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản (1924)

Bài 13: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 ĐẾN NĂM 1930

Câu 1. Tháng 6-1925, tại Quảng Châu-Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức

- A. Cộng sản đoàn. B. Hội Liên hiệp thuộc địa.
C. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. D. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Câu 2. Sự kiện nổi bật diễn ra vào tháng 6-1925 ở Quảng Châu-Trung Quốc là

- A. thành lập Tâm tâm xã. B. thành lập Cộng sản đoàn.
C. thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. D. thành lập Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

Câu 3. Người sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên (6-1925) là

- A. Phạm Hồng Thái. **B. Nguyễn Ái Quốc.** C. Đặng Thai Mai. D. Nguyễn Thái Học.

Câu 4. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên thành lập tại

- A. Ma Cao-Trung Quốc. B. Hương Cảng-Trung Quốc.
C. Thượng Hải-Trung Quốc. **D. Quảng Châu-Trung Quốc.**

Câu 5. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là

- A. Kỳ bộ. B. Chi bộ. **C. Tổng bộ** D. Tổng hội.

Câu 6. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là tờ báo

- A. Nhàn lúa. B. Tiền phong. **C. Thanh niên.** D. Nhân dân.

Câu 7. Tác phẩm Đường kính mệnh của Nguyễn Ái Quốc bao gồm

- A. bài viết trên báo Sự thật, Đời sống công nhân, Tạp chí thư tín quốc tế.
B. bài viết trên báo Thanh niên, báo Cứu quốc.
C. bài tham luận của Người tại Đại hội Quốc tế Cộng sản.
D. bài giảng tại các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu-Trung Quốc.

Câu 8. Địa bàn nào **không** phải là nơi hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên?

- A. Xiêm. **B. Pháp.** C. Việt Nam. D. Trung Quốc.

Câu 9. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên là tổ chức cách mạng theo khuynh hướng

- A. vô sản.** B. cải lương. C. dân chủ tư sản. D. cộng hoà tư sản.

Câu 10. Hoạt động chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên giai đoạn 1925-1927 là

- A. mở rộng, phát triển Hội viên. B. phát triển các tổ chức cơ sở.
C. kêu gọi nhân dân đoàn kết đấu tranh. D. huấn luyện, đào tạo cán bộ cách mạng.

Câu 11. Phong trào “Vô sản hoá” từ cuối năm 1928 có vai trò

- A. góp phần huấn luyện, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.
B. tổ chức quần chúng nhân dân tập dượt đấu tranh cách mạng.
C. đưa cán bộ, hội viên sang Quảng Châu-Trung Quốc học tập.
D. tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức chính trị cho công nhân.

Câu 12. Báo Thanh niên và tác phẩm Đường cách mệnh đã trang bị lý luận nào cho cán bộ?

- A. Cách mạng vô sản. B. Chủ nghĩa Mác – Lênin.
C. Cách mạng dân tộc dân chủ. D. Cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 13. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên được coi là

- A. tổ chức chính trị của giai cấp tiểu tư sản. B. tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. tổ chức lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc.
D. tổ chức cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

Câu 14. Nội dung nào **không** phải là vai trò của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên?

- A. Chuẩn bị về tổ chức. B. Chuẩn bị về tài chính.
C. Chuẩn bị về chính trị tư tưởng. D. Đào tạo huấn luyện cán bộ cách mạng.

Câu 15. Việt Nam Quốc dân đảng là chính đảng của

- A. vô sản. B. tiểu tư sản. C. tư sản dân tộc. D. tư sản mại bản.

Câu 16. Chính đảng đại diện cho tư sản dân tộc Việt Nam là tổ chức

- A. Tân Việt Cách mạng đảng. B. Việt Nam Quốc dân đảng.
C. Đảng Cộng sản Việt Nam. D. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 17. Cơ sở hạt nhân đầu tiên của Việt Nam Quốc dân đảng là

- A. Tâm tâm xã. B. Cường học thư xã. C. Quan hải tùng thư. D. Nam Đồng thư xã.

Câu 18. Lực lượng chủ yếu của Việt Nam Quốc dân Đảng là lực lượng

- A. trí thức tiểu tư sản yêu nước, học sinh, sinh viên.
B. giai cấp công nhân Việt Nam trong các đồn điền.
C. binh lính người Việt được giác ngộ trong quân đội Pháp.
D. đông đảo nhân dân yêu nước, nhất là công nhân, nông dân.

Câu 19. Hoạt động tiêu biểu nhất của Việt Nam Quốc dân Đảng là

- A. khởi nghĩa Yên Bái. B. bắt hợp tác với Pháp.
C. ám sát trùm mộ phu Badanh. D. vận động binh lính khởi nghĩa.

Câu 20. Việt Nam Quốc dân đảng là tổ chức cách mạng theo khuynh hướng

- A. vô sản. B. cải lương. C. dân chủ tư sản. D. cộng hoà tư sản.

Câu 21. Phương pháp cách mạng Việt Nam Quốc dân đảng chủ trương tiến hành là

- A. hoà bình. B. bắt hợp tác. C. bãi công. D. bạo lực.

Câu 22. Khởi nghĩa Yên Bái được tiến hành trong bối cảnh lịch sử

- A. khi thực dân Pháp đã suy yếu, chính quyền tan rã.
B. có sự chuẩn bị chu đáo về lực lượng và tài chính.
C. khi thời cơ chín muồi và chuẩn bị chu đáo mọi mặt.

D. Pháp tiến hành khủng bố dã man lực lượng cách mạng.

Câu 23. Sự kiện đánh dấu thất bại hoàn toàn của khuynh hướng tư sản trước khuynh hướng vô sản là

- A. sự ra đời của Đảng Cộng sản. B. sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.
C. sự xuất hiện của ba tổ chức cộng sản. D. sự phân hoá tích cực của Đảng Tân Việt.

Câu 24. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái đánh dấu

- A. chấm dứt vai trò cách mạng của giai cấp tư sản.
B. chấm dứt vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân đảng.
C. giai cấp tư sản trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng.
D. khuynh hướng dân chủ tư sản bước đầu thất bại.

Câu 25. Sự kiện trực tiếp dẫn đến sự bùng nổ của khởi nghĩa Yên Bái là

- A. vụ ám sát trùm mộ phu Badanh.
B. vụ mưu sát toàn quyền Méc-lanh.
C. vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội.
D. vụ đầu độc binh lính Pháp ở Thái Nguyên.

Câu 26. Yếu tố nào không phải là nguyên nhân thất bại của khởi nghĩa Yên Bái?

- A. Thực dân Pháp còn mạnh, đang ráo riết khủng bố.
B. Sự ra đời của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
C. Thiếu giai cấp tiên tiến và đường lối lãnh đạo đúng đắn.
D. Nổ ra chưa đúng thời cơ, chưa có sự chuẩn bị kỹ lưỡng.

Câu 27. Đại hội lần thứ nhất Hội Việt Nam cách mạng thanh niên diễn ra tại

- A. Ma Cao-Trung Quốc. B. Quảng Châu-Trung Quốc.
C. Thượng Hải-Trung Quốc. **D. Hương Cảng-Trung Quốc.**

Câu 28. Sự kiện nổi bật diễn ra vào tháng 5-1929 tại Hương Cảng-Trung Quốc là

- A. đại hội lần thứ nhất của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.
B. đại hội lần thứ nhất của các tổ chức cách mạng ở Việt Nam.
C. đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
D. hội nghị lần thứ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu 29. Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời tại

- A. số nhà 5D phố Hàm Long-Hà Nội.** B. số nhà 48 Hàng Ngang-Hà Nội.
C. số nhà 312 Khâm Thiên-Hà Nội. D. số nhà 5D phố Hàm Rồng-Hà Nội.

Câu 30. Sự kiện nổi bật diễn ra vào tháng 3-1929, tại số nhà 5D phố Hàm Long-Hà Nội là

- A. sự ra đời của các chi bộ cộng sản ở Việt Nam. B. sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.
C. sự thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Nam Kỳ. **D. sự thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên của Việt Nam.**

Câu 31. Tổ chức Cộng sản được thành lập vào tháng 6-1929 là

- A. An Nam Cộng sản đảng. B. Tân Việt Cách mạng đảng.
C. Đông Dương Cộng sản đảng. D. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 32. Cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản đảng là tờ báo

- A. Đỏ. **B. Búa liềm.** C. Thanh niên. D. An Nam trẻ.

Câu 33. Đông Dương cộng sản đảng là tổ chức của

- A. các tổ chức cơ sở cộng sản ở Bắc Kỳ.** B. các tổ chức cơ sở cộng sản ở Việt Nam.
C. các tổ chức cơ sở cộng sản ở Trung Kỳ. D. các tổ chức cơ sở cộng sản ở Nam Kỳ.

Câu 34. Tờ báo Đỏ là cơ quan ngôn luận của tổ chức

- A. An Nam Cộng sản đảng.** B. Đông Dương Cộng sản đảng.
C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn. D. Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên.

Câu 35. Tổ chức Cộng sản đã ra đời ở Việt Nam vào tháng 8-1929 là

- A. An Nam Cộng sản đảng. B. Tân Việt Cách mạng đảng.
C. Đông Dương Cộng sản đảng. D. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 1. Đầu những năm 30 của thế kỷ XX chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở đâu?

A. Đức, Pháp, Nhật Bản. B. Đức, Tây Ban Nha, Ý. **C. Đức, Italia, Nhật Bản.** D. Đức, Áo- Hung.

Câu 2. Kẻ thù của cách mạng thế giới được Đại hội VII của Quốc tế cộng sản xác định đó là

A. chủ nghĩa phát xít. B. chủ nghĩa đế quốc C. bọn phản động thuộc địa. D. chủ nghĩa thực dân.

Câu 3. Trong năm 1936, mặt trận nhân dân nước nào đã thắng cử vào Nghị viện và lên cầm quyền?

A. Nước Đức. B. **Nước Pháp.** C. Nước Anh. D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 4. Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, diễn ra ngày 1/5/1938 ở đâu?

A. Tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội). B. Tại Bến Thủy (Vinh)

C. Tại thủ đô Hà Nội. **D. Tại nhà Đấu Xảo (Hà Nội).**

Câu 5. Tại Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, đoàn đại biểu Đảng cộng sản Đông Dương do ai dẫn đầu đến dự đại hội?

A. Nguyễn Ái Quốc.

B. Phạm Văn Đồng.

C. Nguyễn Văn Cừ.

D. Lê Hồng Phong.

Câu 6. Tháng 8-1936, Đảng chủ trương phát động phong trào

A. Đông Dương Đại hội.

B. phong trào đòi dân sinh dân chủ.

C. vận động người của Đảng vào Viện dân biểu D. mít tinh diễn thuyết thu thập “dân nguyện”.

Câu 7. Khi chủ nghĩa phát xít xuất hiện Quốc tế cộng sản đã có chủ trương gì để tập hợp lực lượng cách mạng thế giới?

A. Thành lập Đảng cộng sản ở các nước.

B. Thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

C. Thành lập các tổ chức công đoàn.

D. Kêu gọi vô sản các nước đoàn kết lại.

Câu 8. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 7/1936) xác định, đó là

A. đánh đuổi đế quốc Pháp, giành độc lập dân tộc.

B. đánh đuổi đế quốc Pháp và phong kiến tay sai.

C. chống phát xít, chống chiến tranh, giành độc lập dân tộc.

D. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.

Câu 9. Ngay từ năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập mặt trận với tên gọi là gì?

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 10. Điều nào không phải chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936 đối với các thuộc địa?

A. Cho phép xuất bản báo chí.

- B. Trả tự do cho một số tù chính trị.
- C. **Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.**
- D. Cho phép thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi

Câu 11. Mục tiêu đấu tranh của phong trào dân chủ 1936 – 1939 là

- A. độc lập dân tộc.
- B. ruộng đất cho dân cày.
- C. tăng lương, giảm giờ làm, bớt sưu thuế.
- D. **tự do dân sinh dân chủ, cơm áo, hòa bình.**

Câu 12. Sự kiện lịch sử nào dưới đây không tác động tới phong trào dân chủ 1936 – 1939?

- A. **Khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933.**
- B. Chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền đầu những năm 30 của thế kỷ XX
- C. Đại hội VII của Quốc tế cộng sản họp tại Maxcova (tháng 7/1930).
- D. Chính phủ Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp (tháng 6/1936).

Câu 13. Mục tiêu đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới 1936-1939 là

- A. ruộng đất, cơm áo, hòa bình.
- B. độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.
- C. **giành dân chủ, bảo vệ hòa bình.**
- D. độc lập dân tộc và người cày có ruộng.

Câu 14. Để tập hợp lực lượng cách mạng giai đoạn 1936 – 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có chủ trương gì?

- A. Thành lập mặt trận Việt Minh.
- B. Thành lập Mặt trận tổ quốc Việt Nam.
- C. Thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh.
- D. **Thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.**

Câu 15. Đây là hình thức đấu tranh chủ yếu của phong trào dân chủ 1936 – 1939?

- A. Đấu tranh vũ trang.
- B. Bí mật và bất hợp pháp.
- C. Đấu tranh công khai và hợp pháp.
- D. **Công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.**

Câu 16. Hành động nào của chủ nghĩa phát xít khi lên nắm quyền đã đe dọa nền hòa bình thế giới?

- A. Sản xuất vũ khí hủy diệt.

- B. Tập trung tấn công Liên Xô.
- C. Xây dựng và phát triển kinh tế.
- D. **Ráo riết chạy đua vũ trang chuẩn bị chiến tranh.**

Câu 17. Kẻ thù trước mắt của nhân dân Đông Dương được Hội nghị BCH Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 7/1936) nhận định là

- A. thực dân Pháp.
- B. bọn phong kiến.
- B. bọn Pháp phản động và tay sai**
- D. thực dân Pháp và phong kiến tay sai

Câu 19. Từ năm 1936 một số tù chính trị ở Việt Nam đã được thả ra và tìm cách hoạt động trở lại. Đó là nhờ chính sách của tổ chức nào?

- A. **Mặt trận nhân dân Pháp.**
- B. Mặt trận nhân dân Liên Xô.
- C. Quốc tế Cộng sản.
- D. Thực dân Pháp.

Câu 20. Trong phong trào cách mạng 1936 – 1939 lực lượng nào tham gia đông đảo và hăng hái nhất trong các cuộc mít tinh biểu tình, đưa “dân nguyện”?

- A. Công nhân và nông dân
- B. Công nhân và nông dân, trí thức và dân nghèo thành thị.**
- B. Tư sản dân tộc, học sinh sinh viên và thợ thủ công.
- C. Trung và tiểu địa chủ, nông dân, trí thức tiểu tư sản

Câu 21. Trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, có hai sự kiện tiêu biểu nhất, đó là hai sự kiện nào?

- A. **Phong trào Đại hội Đông Dương và cuộc mít tinh ngày 1/5/1938 tại Hà Nội**
- B. Phong trào đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và đấu tranh nghị trường.
- C. Phong trào đón phái viên Chính phủ Pháp Gôđa và đấu tranh nghị trường.
- D. Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và đòi các quyền dân sinh dân chủ.

Câu 22. Đáp án nào sau đây không phản ánh kết quả của cuộc vận động dân chủ 1936- 1939?

- A. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng trong quần chúng nhân dân.
- B. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách của quần chúng.
- C. Giành chính quyền và thành lập chính quyền Xô Viết ở các địa phương.**
- D. Đảng đã tập hợp được một lực lượng chính trị của quần chúng đông đảo.

Câu 23. Ý nghĩa to lớn nhất của cuộc vận động dân chủ 1936 – 1939 là gì?

- A. Là cuộc tổng diễn tập lần thứ hai của Đảng chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945.
- B. Tập hợp được lực lượng chính trị hùng hậu trong mặt trận dân tộc thống nhất.
- C. Đội ngũ cán bộ đảng viên được rèn luyện, thử thách và trưởng thành.
- D. Đảng thấy được những hạn chế của mình trong công tác mặt trận, vấn đề dân tộc...

BÀI 16. PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 - 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI

Câu 1. Tháng 11-1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương họp tại địa điểm

- A. Bà Điểm. B. Pác Bó. C. Quảng Châu. D. Hương Cảng.

Câu 2. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương tháng 11-1939 xác định mục tiêu của cách mạng là

- A. đánh đổ đế quốc. B. đánh đổ tay sai đế quốc.
C. đánh đổ đế quốc và tay sai. D. đông dương hoàn toàn độc lập.

Câu 3. Đội cứu quốc quân ra đời ở Việt Nam năm 1941 có nòng cốt là

- A. đội du kích Ba Tơ. B. đội du kích Thái Nguyên.
C. đội du kích Cao Bằng. D. **Đội du kích Bắc Sơn.**

Câu 4. Năm 1942, nơi thí điểm xây dựng các Hội Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh là

- A. Lạng Sơn. B. Bắc Cạn. C. Hà Giang. **D. Cao Bằng.**

Câu 5. Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập mặt trận

- A. Mặt trận Liên Việt. C. Mặt trận Đồng minh.
B. Mặt trận Việt Minh. D. Mặt trận phản đế Đông Dương.

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa của tù chính trị trong cao trào “kháng Nhật cứu nước” ở Việt Nam vào tháng 3-1945 diễn ra tại

- A. Pác Bó (Cao Bằng). B. Bắc Sơn (Lạng Sơn). **C. Ba Tơ (Quảng Ngãi).** D. Quảng Nam.

Câu 7. Địa phương giành chính quyền muộn nhất trong tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 ở Việt Nam là

- A. Quảng Ngãi và Bắc Giang. B. Bắc Giang và Hải Dương.
C. Hải Dương và Quảng Nam. **D. Hà Tiên và Đồng Nai Thượng.**

Câu 8. Khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp – Nhật” được thay bằng khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra trong

- A. Đại hội quốc dân Tân Trào (tháng 8/1945). B. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ 14-15/8/1945).
C. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).

D. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Câu 9. Đối tượng của cách mạng được Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp vào tháng 5/1941 xác định là

- A. đế quốc Pháp, tay sai. B. đế quốc Nhật – Pháp.
C. đế quốc Nhật và bọn phản động. **D. đế quốc phát xít Pháp – Nhật và tay sai.**

Câu 10. Ngày 12-3-1945 Ban Thường vụ trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ra chỉ thị

- A. sắm vũ khí đuổi thù chung. B. sửa soạn khởi nghĩa, đuổi thù chung.
C. đánh đuổi Pháp – Nhật và bọn phong kiến. **D. Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.**

Câu 11. Năm 1942, ở Việt Nam, nơi thí điểm của cuộc vận động xây dựng các Hội Cứu quốc quân trong mặt trận Việt Minh là

- A. Cao Bằng.** C. Bắc Cạn. B. Lạng Sơn. D. Tuyên Quang.

Câu 12. Năm 1945, Đội Việt Nam giải phóng quân ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức

- A. Cứu quốc quân với du kích Thái Nguyên.
B. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với đội du kích Bắc Sơn.
C. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với Cứu quốc quân.
D. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân với du kích Ba Tơ.

Câu 13. Quyết định Tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành chính quyền trước khi Đồng minh vào Việt Nam là của

- A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).
B. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941).
C. Đại hội quốc dân Tân Trào (15-16/8/1945).
D. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945).

Câu 14. Từ 10 đến 19- 5-1941, tại Pác Bó (Hà Quảng-Cao Bằng) đã diễn ra

- A. Hội nghị toàn quốc của Đảng.
B. Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
C. Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
D. Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Câu 15. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5/1941 đã xác định mâu thuẫn cơ bản trong lòng xã hội Việt Nam là

- A. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp.
B. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Pháp - Nhật.
C. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với thực dân Pháp và phong kiến tay sai.

D. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với phát xít Nhật và phong kiến tay sai.

Câu 16. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5/1941 quyết định tạm gác khẩu hiệu.

A. “Giảm tô, giảm tức chia lại ruộng đất”.

B. thực hiện “ Người cày có ruộng”.

C. “Đánh đổ địa chủ chia ruộng đất cho dân cày”,

D. “Tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày”.

Câu 17. Tháng 11 - 1939, tên gọi của Mặt trận ở Đông Dương là

A. Mặt trận nhân dân phản đế.

B. Mặt trận dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương.

Câu 18. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết Tuyên ngôn độc lập tại

A. số nhà 48 phố Hàng Ngang – Hà Nội.

B. số nhà 48 phố Hàng Quạt – Hà Nội.

C. số nhà 48 phố Hàng Buồm – Hà Nội.

D. số nhà 84 phố Hàng Bún – Hà Nội.

Câu 19. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là

A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

B. Thái Nguyên, Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

C. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Nội, Huế.

D. Cao Bằng, Bắc Cạn, Hải Dương, Hà Tĩnh.

Câu 20. Chiều ngày 16-8-1945 theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đội giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về giải phóng

A. Thị xã Cao Bằng.

B. Thị xã Thái Nguyên.

C. Thị xã Yên Bái.

D. Thị xã Tuyên Quang.

Câu 21. Sau tháng 9/1940, để đối phó với tình hình mới khi Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đã thực hiện chính sách

A. mở cửa cho Nhật vào Đông Dương.

B. thi hành chính sách “ Kinh tê chỉ huy”.

C. tăng các loại thuế gấp 3 lần.

D. thỏa hiệp với Nhật để đàn áp nhân dân ta.

Câu 22. Hiệp ước phòng thủ chung của Đông Dương (23-7-1941) được kí giữa Pháp và Nhật thừa nhận:

A. Pháp cam kết hợp tác với Nhật về mọi mặt.

B. Nhật có quyền đóng quân trên toàn cõi Đông Dương.

C. Pháp phải bảo đảm hậu phương an toàn cho quân đội Nhật.

D. Nhật có quyền sử dụng tất cả các sân bay và cửa biển ở Đông Dương .

Câu 23. Mặt trận Việt Minh thành lập vào thời gian

A. 28-1-1941.

B. 10-5-1941.

C. 19-5-1941.

D. 29-5-1941.

Câu 24. Khẩu hiệu thành lập “Chính phủ Dân chủ Cộng hòa” được đưa ra trong hội nghị

A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11/1939).

B. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5/1941).

C. Đại hội quốc dân Tân Trào (15-16/8/1945).

D. Hội nghị toàn quốc của Đảng (13-15/8/1945).

Câu 25. Sau khi ra đời, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân đã đánh thắng ở

A. Bắc Giang và Hải Dương.

B. Phay Khắt và Nà Ngần.

C. Hà Tĩnh và Quảng Nam.

D. Tuyên Quang và Thái Nguyên.

Câu 26. Tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trương thành lập

A. Mặt trận Việt Minh.

B. Mặt trận Liên Việt.

C. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.

Câu 27. Hội nghị toàn quốc của Đảng cộng sản Đông Dương họp từ 14 đến 15-8-1945 ở

A. Pác Bó (Cao Bằng).

B. Bắc Sơn (Lạng Sơn).

C. Tân Trào (Tuyên Quang).

D. Phay Khắt (Cao Bằng).

Bài 17:

NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỪ SAU NGÀY 2/9/1945 ĐẾN TRƯỚC NGÀY 19/12/1946

Câu 1 . Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, để giải quyết căn bản nạn đói, Đảng và nhân dân ta đã thực hiện biện pháp có tính hàng đầu và lâu dài là

A. quyên góp, điều hòa thóc gạo giữa các địa phương trong cả nước.

B. nghiêm trị những người đầu cơ, tích trữ gạo.

C. phát động phong trào “nhường cơm sẻ áo”, “hũ gạo cứu đói”...

D. kêu gọi “ Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!”.

Câu 2 . Thời điểm quân Trung Hoa Dân quốc với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở miền Bắc nước ta là

A. ngay sau khi khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

B. một tuần sau khi khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

C. mười ngày sau khi khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

D. hai tuần sau khi khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 thắng lợi.

Câu 3 .Bản Hiệp ước Hoa – Pháp kí ngày 28 – 2 -1946 có nội dung chính là

- A. Pháp trả lại Trung Hoa Dân quốc các tô giới nhượng địa của Pháp trên đất Trung Quốc và Pháp được vận chuyển hàng hóa qua cảng Hải Phòng vào Vân Nam không phải đóng thuế
- B. Pháp và quân Trung Hoa Dân quốc cùng công nhận chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa và rút hết quân khỏi Việt Nam.
- C. Pháp được đưa quân ra miền Bắc Việt Nam thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.
- D. Pháp và quân Trung Hoa Dân quốc không công nhận chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa và rút hết quân khỏi Việt Nam.

Câu 4 . Bản Tạm ước ngày 14 – 9 -1946 do chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kí với đại diện Chính phủ Pháp có ý nghĩa

- A. chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp.
- B. tạo cho ta thời gian hoà hoãn để xây dựng, củng cố lực lượng chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp.
- C. giúp ta tránh được cuộc chiến đấu bất lợi vì phải chống lại nhiều kẻ thù cùng một lúc.
- D. giúp ta đẩy được 20 vạn quân Trung Hoa Dân quốc cùng bọn tay sai ra khỏi nước ta.

Câu 5 .Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho Hội nghị Phôngtennoblô (Pháp) không có kết quả?

- A. Thực dân Pháp thực hiện âm mưu kéo dài chiến tranh xâm lược nước ta.
- B. Thời gian đàm phán ngắn.
- C. Ta chưa có kinh nghiệm trong đấu tranh ngoại giao.
- D. Ta không có được sự ủng hộ của nhân dân thế giới.

Câu 6 . Kì họp đầu tiên tại Hà Nội vào ngày 2/3/1946, Quốc hội đã xác nhận thành tích của

- A. chính phủ lâm thời.
- B. Đảng cộng sản Đông Dương.
- C. cách mạng Việt Nam.
- D. phong trào công nhân.

Câu 8 . Trước 6/3/1946, Đảng, Chính phủ, chủ tịch Hồ Chí Minh đã thực hiện sách lược gì?

- A. Hoà với Trung Hoa Dân Quốc để đánh Pháp.
- B. Hoà với Pháp để đuổi Trung Hoa Dân Quốc.
- C. Hoà cả Trung Hoa Dân quốc và Pháp để củng cố lực lượng.
- D. Chống cả Pháp và Trung Hoa Dân Quốc.

Câu 9 . Câu nào dưới đây thuộc lời kêu gọi của chủ tịch Hồ Chí minh nhằm giải quyết nạn đói?

- A. “ Nhường cơm sẻ áo”.
- B. “ Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay!Tăng gia sản xuất nữa!”.
- C. “ Tắc đất, tắc vàng”.
- D. “ Không một tấc đất bỏ hoang”.

Câu 10 . Nhằm khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách của chính phủ sau cách mạng tháng Tám, nhân dân ta đã hưởng ứng phong trào nào?

- A. “ Ngày đồng tâm”.
C. “Quy độc lập”.
B. “Tuần lễ vàng”.
D. “Quy đảm phụ quốc phòng”.

Câu 11 . Sự kiện nào chứng tỏ thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai?

- A. Ngày 2/9/1945, khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tổ chức mít tinh chào mừng ngày độc lập, thực dân Pháp đã xả súng vào dân chúng.
B. Đêm 22 rạng sáng 23/9/1945, Thực dân Pháp cho quân đánh úp trụ sở ủy ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn.
C. Hạ tuần tháng 11/1946 quân Pháp khiêu khích tiến công ta ở Hải Phòng và Lạng Sơn.
D. Ngày 18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi chính phủ ta phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà nội.

Câu 12 . Bức hình dưới đây cho biết sự kiện nào đã diễn ra tại Hà Nội (2/3/1946)?



- A. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng.
B. Quốc hội khóa I họp phiên đầu tiên.
C. Đại hội Quốc dân.
D. Hội nghị toàn quốc của Đảng.

Câu 13 . Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ ngày

- A. 7/3/1945. B. 8/9/1945. C. 9/9/1945. D. 10/9/1945.

Câu 14 . Chủ tịch Hồ chí minh kêu gọi đồng bào thực hiện “ tuần lễ vàng”, “quỹ độc lập” nhằm mục đích gì?

- A. Giải quyết khó khăn về tài chính của đất nước.
B. Quyên góp tiền để xây dựng đất nước.

C. Quyên góp vàng, bạc để xây dựng đất nước.

D. Để hỗ trợ việc giải quyết nạn đói.

Câu 18 . Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ở Việt Nam kẻ thù nào là nguy hiểm nhất?

A. Trung Hoa Dân Quốc. B. Phát xít Nhật. C. Thực dân Anh. D. **Thực dân Pháp.**

Câu 19 . Để đối phó với Trung Hoa Dân quốc và Pháp, Đảng và Bác đã thực hiện chủ trương biện pháp nào sau đây được xem là đau đớn nhất để cứu vãn tình hình?

A. Để Trung Hoa Dân quốc được tham gia vào Quốc hội và nhân nhượng cho chúng một số quyền lợi kinh tế.

B. Đảng cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán(11/11/1945) sự thật là rút vào hoạt động bí mật.

C. Nhận tiêu tiền của Trung Hoa Dân quốc.

D. Kí Hiệp định Sơ bộ với Pháp, để cho Pháp ra miền Bắc.

Câu 20 . Việc kí hiệp định sơ bộ 6/3/1946 của Đảng ta đã chứng tỏ

A. **sự mềm dẻo của ta trong việc phân hóa kẻ thù.**

B. chủ trương đúng đắn kịp thời của Đảng ta.

C. sự thỏa hiệp của Đảng và Chính phủ ta.

D. sự non yếu trong đường lối lãnh đạo của ta.

Câu 21 . Lí do nào cơ bản nhất để ta hoà hoãn, nhân nhượng cho Trung Hoa Dân quốc một số quyền lợi về kinh tế- chính trị?

A. Ta đủ sức đánh hai vạn quân Trung Hoa Dân Quốc.

B. Tránh tình trạng cùng một lúc phải đối đầu với nhiều kẻ thù.

C. Tránh thực dân Pháp thực hiện tiến công ra Bắc.

D. Tránh Pháp và Trung Hoa Dân quốc câu kết với nhau.

Câu 22 .Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa họp phiên đầu tiên (2/3/1946) tại

A. khu Đấu Xảo Hà Nội. B. quảng trường Ba Đình Hà Nội. C. Sài Gòn. **D. Nhà hát Lớn Hà Nội.**

Câu 23 . Sự kiện nổi bật diễn ra vào chiều 6/3/1946, tại Hà Nội là

A. chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện chính phủ Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.

B. chủ tịch Hồ Chí Minh kí với đại diện chính phủ Pháp bản Tạm ước.

C. thực dân Pháp kí với Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc Hiệp ước Hoa – Pháp.

D. cuộc đàm phán chính thức giữa hai chính phủ Việt Nam và Pháp.

Câu 24 .Nội dung nào dưới đây thể hiện tính nguyên tắc trong Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946?

A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong liên hiệp Pháp.

B. Hai bên thực hiện ngừng bắn ở Nam Bộ.

C. Việt Nam có chính phủ riêng,ngị viện riêng, có quân đội riêng và tài chính riêng.

D. Chính phủ Việt Nam chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra miền Bắc Việt Nam.

Câu 25 .Việc ký kết Hiệp định Sơ bộ, ngày 6/3/1946 của ta nhằm mục đích gì?

A. Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

B. Phân hóa kẻ thù, tập trung đánh kẻ thù chủ yếu.

C. Tạo điều kiện để xây dựng đất nước sau chiến tranh.

D. Thể hiện thiện chí của ta trên trường quốc tế.

Câu 26 .Sự kiện nổi bật diễn ra vào ngày 3/3/1946, ở Việt Nam là

A. thực dân Pháp kí với Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc Hiệp ước Hoa – Pháp.

B. Hiệp định sơ bộ được kí kết.

C. Ban Thường vụ TW Đảng họp, đã chọn giải pháp “ hòa để tiến”.

D. Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố “ tự giải tán”.

Câu 27 .Phiên họp đầu tiên của Quốc hội nước ta được tổ chức vào thời gian nào? ở đâu?

A.1/6/1946 ở Hà Nội.

B.2/3/1946 ở Hà Nội.

C.12/11/1946 ở Tân Trào – Tuyên Quang.

D.20/10/1946 ở Hà Nội.

Câu 28 .Tác động của Hiệp định sơ bộ đối với quân đội Tưởng ở miền Bắc là

A. vô hiệu hóa quân đội Tưởng ở Miền Bắc.

B. dùng bàn tay Pháp đuổi quân đội Tưởng ra khỏi miền Bắc.

C. lợi dụng được quân đội Tưởng để đánh Pháp.

D. vô hiệu hóa quân đội Tưởng và Pháp ở Miền Bắc.

Câu 29 .Nội dung nào dưới đây không nằm trong Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946?

A. Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là quốc gia tự do.

B. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chấp nhận cho Pháp đưa 15.000 quân ra Bắc và rút dần trong 5 năm.

C. Ta tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi kinh tế và văn hóa.

D. Hai bên thực hiện ngừng mọi cuộc xung đột ở phía Nam.

Câu 30 .Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với chính phủ Pháp Tạm ước 14/9/1946 ở đâu?

A. Paris.

B. Phôngtennơblô.

C. Hà Nội.

D. Đà Lạt.

Câu 31 .Thái độ của thực dân Pháp sau khi kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9) năm 1946 là

A. thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định và Tạm ước.

B. chỉ thi hành Hiệp định, không thi thành Tạm ước.

C. chỉ thi hành Tạm ước, không thi hành Hiệp định.

D. ngang nhiên xé bỏ Hiệp định và Tạm ước.

Câu 32 .Sau thời kì đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, đất nước ta bước vào thời kì nào?

- A. Xây dựng phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.
- B. Đấu tranh chống các thế lực thù địch.
- C. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.**
- D. Tiếp tục đấu tranh chống Pháp và Tưởng.

Câu 33 .Sự kiện nổi bật diễn ra vào ngày 2/3/1946, tại Hà Nội là

- A. Hiệp định sơ bộ được kí kết.
- B. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí với Pháp bản Tạm ước.
- C. Trung Hoa Dân quốc và Pháp kí Hiệp ước Hoa – Pháp.
- D. Kì họp đầu tiên, Quốc hội khóa I.**

Câu 34 .Cuộc chiến đấu ở các đô thị kéo dài đến khi nào thì kết thúc?

- A. Tháng 4 – 1947.
- B. Tháng 2 – 1947.**
- C. Tháng 6 – 1947.
- D. Tháng 10 – 1947.

Câu 35 .Thịen chí của ta thể hiện trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh

- A. chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta phải nhân nhượng.**
- B. chúng ta muốn hòa bình. Chúng ta đã kí hiệp định sơ bộ.
- C. chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.
- D. chúng ta phải nhân nhượng.

Câu 36 .Rạng sáng ngày 23/9/1945 đã diễn ra sự kiện lịch sử nào?

- A. Quân Anh đến Sài Gòn làm nhiệm vụ giải giáp lực lượng phát xít Nhật.
- B. Lực lượng quân Tưởng vào miền Bắc làm nhiệm vụ giải giáp phát xít Nhật.
- C. Nhân dân Sài Gòn tổ chức mít tinh chào mừng ngày đất nước được độc lập.
- D. Thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu quá trình quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai.**

Câu 37 . Sau cách mạng tháng Tám, nước ta phải đối phó với nhiều khó khăn như thế nào?

- A. Nạn đói, nạn dốt, thù trong giặc ngoài.
- B. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách nhà nước trống rỗng.
- C. Nạn đói, nạn dốt, ngân sách nhà nước trống rỗng, giặc ngoại xâm và nội phản.**
- D. Nạn đói, nạn dốt, nội phản.

Câu 38 . Thuận lợi cơ bản sau cách mạng tháng Tám năm 1945 ở nước ta là

A. nhân dân lao động đã giành được chính quyền, tích cực xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

B. phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao ở nhiều nước thuộc địa, phụ thuộc.

C. hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào đấu tranh vì hòa bình dân chủ phát triển.

D. hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành, phong trào giải phóng dân tộc đang dâng cao.

Câu 39 . Ngày 6/1/1946, cử tri trong cả nước đi bỏ phiếu bầu được bao nhiêu đại biểu vào Quốc hội?

A. 333 đại biểu.

B. 334 đại biểu.

C. 335 đại biểu.

D. 336 đại biểu.

Câu 40 : Sự kiện nào sau đây được coi là nguyên nhân để Đảng ta thay đổi chiến lược từ hòa hoãn với quân Trung hoa Dân quốc để chống Pháp sang hòa hoãn với Pháp để đuổi quân Trung hoa Dân quốc?

A. Quốc Hội khóa I(2/3/1946) nhường cho quân Trung Hoa Dân quốc 70 ghế trong Quốc Hội.

B. Hiệp ước Hoa – Pháp ngày 28/2/1946.

C. Hiệp định sơ bộ(6/3/1946).

D. Tạm ước Việt – Pháp(14/9/1946).

Câu 41 . Kẻ thù nào dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

A. Bọn Việt quốc, Việt cách.

B. Đế quốc Anh.

C. Các lực lượng phản cách mạng trong nước.

D. Bọn Nhật đang còn tại Việt Nam.

Câu 42 . Lý do nào là quan trọng nhất để Đảng ta chủ trương khi thì tạm thời hòa hoãn với Tưởng để chống Pháp, khi thì hòa hoãn với Pháp để đuổi Tưởng?

A. Tưởng dùng bọn tay sai Việt quốc, Việt cách để phá ta từ bên trong.

B. Thực dân Pháp được sự giúp đỡ hậu thuẫn của Anh.

C. Chính quyền của ta còn non trẻ không thể một lúc chống hai kẻ thù mạnh.

D. Tưởng có nhiều âm mưu chống phá cách mạng.

Câu 43 .Khi Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta, mở đầu là cuộc chiến đấu của quân dân ta ở đâu?

A. Sài Gòn - Chợ Lớn cùng với Nam Bộ.

B. Nam Bộ cùng với Trung Bộ.

C. Trung Bộ cùng với Sài Gòn - Chợ Lớn.

D. Bến tre.

Câu 44 .Nội dung đầu tiên của Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 mà chính phủ ta kí với Pháp là

A. chính phủ Pháp công nhận nước ta là một nước độc lập, tự do nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

B. chính phủ Pháp công nhận nước VNDCCH là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng nằm

trong khối Liên hiệp Pháp.

C. chính phủ VNDCCH thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc.

D. Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở phía Nam.

Câu 45 . Điều khoản nào trong Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946 có lợi thực tế cho ta?

A. Pháp công nhận VNDCCH là một quốc gia tự do.

B. Pháp công nhận ta có chính phủ, quân đội và tài chính riêng nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

C. Chính phủ Việt Nam thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc thay quân Tưởng.

D. Hai bên thực hiện ngừng bắn ngay ở Nam Bộ.

Câu 46 . Nội dung nào dưới đây không phải là lý do khiến ta thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài?

A. Ta cần có thời gian để chuẩn bị lực lượng.

B. Từ đầu cuộc kháng chiến ta yếu hơn địch.

C. Hậu phương của ta chưa vững mạnh.

D. Ta gặp khó khăn về phương pháp đấu tranh.

Câu 47 . Bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày

A. 2/3/1946.

B. 9/11/1946.

C. 22/5/1946.

D. 6/1/1946.

Câu 48 . Việc kí hiệp định sơ bộ 06/03/1946 chứng tỏ

A. sự mềm dẻo của Đảng ta trong việc phân hoá kẻ thù.

B. đường lối, chủ trương đúng đắn kịp thời của Đảng ta.

C. sự thoả hiệp của Đảng ta và chính phủ ta.

D. sự non yếu trong lãnh đạo của Đảng ta.

Câu 49 . Thắng lợi của tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 đã

A. thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân.

B. xây dựng được chế độ mới được lòng dân, đất nước vượt qua khó khăn thử thách.

C. đất nước vượt qua khó khăn thử thách.

D. thể hiện tinh thần yêu nước và khối đoàn kết toàn dân, xây dựng được chế độ mới được lòng dân

Câu 50 . Ta nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi trong Tạm ước 14/09/1946 là

A. một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá.

B. chấp nhận cho Pháp đưa 15 nghìn quân ra Bắc.

C. một số quyền lợi về chính trị và quân sự.

D. một số quyền lợi về kinh tế và quân sự.

Câu 51 . Khẩu hiệu “ Một nắm khi đói bằng một gói khi no” trong bức hình dưới đây thể hiện phong phú truyền thống nào của dân tộc ta ?



Share At SinhThanh.Name.Vn

A. Yêu nước.

B. Tương thân tương ái.

C. Đoàn kết.

D. Đánh giặc ngoại xâm.

Câu 52 . Hãy điền các từ đúng vào câu sau đây : “Bằng việc kí Hiệp định sơ bộ ngày 06/03 và Tạm ước 14/09/1946 chúng ta đã đập tan âm mưu của..... để chống lại ta”

A. đế quốc Mỹ câu kết với Tưởng

B. đế quốc Pháp câu kết với Tưởng

C. Tưởng câu kết với Pháp

D. đế quốc Pháp câu kết với Anh

Câu 53 .Sau bầu cử Quốc hội, chính quyền cách mạng ở các địa phương được thành lập có tên gọi là

A. Ủy ban nhân dân.

B. Hội đồng nhân dân.

C. Ủy ban cách mạng.

D. Ủy ban hành chính các cấp.

Câu 54 .Khó khăn lớn nhất đưa chính quyền cách mạng nước ta sau ngày 2/9/1945 vào tình thế : « ngàn cân treo sợi tóc » là

A. các tổ chức phản cách mạng trong nước ngóc đầu dậy chống phá cách mạng.

B. nạn đói, nạn dốt đang đe dọa nghiêm trọng.

C. âm mưu của Tưởng và Pháp.

D. ngân quỹ nhà nước trống rỗng.

Câu 55 . Kẻ thù nguy hiểm nhất trên lãnh thổ đất nước ta sau cách mạng tháng Tám năm 1945 là

A. Anh.

B. Pháp.

C. Tưởng.

D. Mỹ.

Câu 56 . Cao ủy Pháp ở Đông Dương trong thời kì từ cuối năm 1945 đến năm 1947 là

A. Lơ-cơ-léc.

B. Bô-la-éc.

C. Đắc-giăng-li-ơ.

D. Rơ-ve.

Câu 57 .Bốn ghế bộ trưởng trong Chính phủ Liên hiệp mà quốc hội nước ta đã nhường cho phái thân Tưởng là

A. ngoại giao, kinh tế, canh nông, xã hội.

B. ngoại giao, kinh tế, văn hoá, xã hội.

C. ngoại giao, giáo dục, canh nông, xã hội. D. kinh tế, giáo dục, canh nông, xã hội.

Câu 58. Chọn một câu trả lời đúng nhất trong số các câu từ A đến D để điền vào chỗ trống hoàn thiện đoạn tư liệu nói về quan điểm của Đảng ta trong việc đối phó với Trung Hoa Dân Quốc sau khi Hiệp ước Hoa- Pháp được kí kết.

« Hiệp ước Hoa- Pháp đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn một trong hai con đường: hoặc (1)chiến đấu chống thực dân Pháp, không cho chúng (2)hoặc hoà hoãn, nhân nhượng với Pháp để tránh tình trạng (3) »

A. đoàn kết- chuyển lực lượng ra miền Bắc- mất tinh thần

B. cầm súng- đổ bộ lên miền Bắc- phải đối phó cùng một lúc với nhiều kẻ thù.

C. tiếp tục- có cơ hội xâm lược- thất bại

D. chấp nhận- thực hiện ý đồ xâm lược- Pháp giành thắng lợi

Câu 59 . Nguyên tắc quan trọng nhất trong việc kí kết Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) là

A. phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù.

B. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.

C. đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng.

D. không vi phạm chủ quyền quốc gia.

Câu 60 ()Hãy phân loại các nội dung sau cho phù hợp với Hiệp định và Tạm ước được kí kết.

Nội dung	Hiệp định Sơ bộ	Tạm ước	Hiệp định Giơnevơ
Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam dân chủ cộng hoà là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính riêng.	x		
Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hoà bình trên toàn Đông Dương.			x
Việt Nam tiến tới thống nhất đất nước bằng cuộc tổng tuyển cử tự do.			x
Tiếp tục nhân nhượng cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa ở Việt Nam		x	
Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà thỏa thuận cho 15000 quân Pháp ra Bắc.	x		
Hai bên ngừng mọi cuộc xung đột ở phía Nam và giữ nguyên quân đội của mình tại vị trí cũ.	x		

BÀI 18

NHỮNG NĂM ĐẦU CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1950)

Câu 1. Cuộc chiến đấu ở các đô thị kết thúc vào tháng

- A. 4 – 1947. **B. 2 – 1947.** C. 6 – 1947. D. 10 – 1947.

Câu 2. Thiện chí của ta thể hiện trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh là

- A. kêu gọi toàn dân tham gia kháng chiến.
B. chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng.
C. chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã kí hiệp định sơ bộ.
D. chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước.

Câu 3. Trong chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947 thực dân Pháp bị phá sản âm mưu

- A. đánh úp. **B. đánh nhanh, thắng nhanh.**
C. dùng người Việt trị người Việt. D. lấy chiến tranh nuôi chiến tranh.

Câu 4. Chiến thắng đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta tiến lên bước phát triển mới

- A. cuộc chiến đấu ở các đô thị. B. chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947.
C. chiến dịch Biên giới thu - đông 1950. D. chiến dịch Điện Biên Phủ - đông 1954.

Câu 5. Trận chiến đấu ác liệt nhất trong Chiến dịch Biên giới thu-đông 1950 là

- A. Thất Khê. B. Cao Bằng. **C. Đông Khê.** D. Đình Lập.

Câu 6. Người đã nhờ đồng đội chặt cánh tay bị thương rồi tiếp tục xông lên chiến đấu trong Chiến dịch Biên giới thu-đông 1950 là

- A La Văn Cầu.** B Trần Cừ. C Triệu Thị Soi. D Đình Thị Dậu.

Câu 7. Ý nào sau đây phản ánh không đúng ý nghĩa của cuộc chiến đấu ở các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16?

- A. Tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.
B. Giam chân địch ở các đô thị, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch.
C. Làm phá sản hoàn toàn kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp.
D. Bảo đảm cho cơ quan đầu não của Đảng và chính phủ rút về chiến khu an toàn.

Câu 8. Tướng nào của Pháp chủ chương mở cuộc hành quân lên Việt Bắc năm 1947

- A. Đácgiăngliơ **B. Bôlaéc** C. Rove D. đờ lát đơ tát xi nhi

Câu 9. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng (1946-1954) không nằm trong nội dung của văn kiện nào?

- A. Hiệp định Sơ Bộ 6/3/1946.**
B. Chỉ thị toàn dân kháng chiến của Đảng.

C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. Tác phẩm kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh

Câu 10. Chính sách thực dân Pháp tăng cường từ sau chiến dịch Việt Bắc Thu đông năm 1947 ở Việt Nam là

A. “ Phòng ngự ở đồng bằng Bắc Bộ”.

B. “ Mở rộng địa bàn chiếm đóng khắp cả nước”.

C. “Tập trung quân Âu Phi mở cuộc tấn công lên Việt Bắc lần thứ hai”.

D. “ Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

Câu 11. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi “Phá cho rộng, phá cho sâu, phá cho bọn Pháp không còn lợi dụng được ...”. Lời kêu gọi ấy phục vụ cho đường lối kháng chiến nào của Đảng ta ?

A Toàn dân

B Toàn diện

C. lâu dài

D. Tự lực cánh sinh

Câu 12. Ý nào sau đây phản ánh không đúng ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950?

A. Mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

B. Tạo điều kiện cho cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

C. Con đường liên lạc của ta với các nước XHCN được khai thông.

D. Quân đội ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.

Câu 13. Lấy thân mình lấp lỗ châu mai trong chiến dịch Biên giới thu-đông 1950 là chiến sĩ

A. Trần Cừ

B. La Văn Cầu

C. Phan Đình Giót

D. Bế Văn Đàn

Câu 14. Thái độ của thực dân Pháp sau khi kí Hiệp định sơ bộ (6-3) và Tạm ước (14-9) năm 1946 là

A. thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định và Tạm ước.

B. chỉ thi hành Hiệp định, không thi thành Tạm ước.

C. chỉ thi hành Tạm ước, không thi hành Hiệp định.

D. đẩy mạnh chuẩn bị chiến tranh xâm lược nước ta lần nữa.

Câu 15. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ đầu tiên tại

A. Hải Phòng.

B. Đà Nẵng.

C. Hải Dương.

D. Hà Nội.

Câu 16 . Sau thời kì đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng từ tháng 9/1945 đến tháng 12/1946, đất nước ta bước vào thời kì

A. Đấu tranh chống các thế lực thù địch . **B. Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.**

C. Tiếp tục đấu tranh chống Pháp và Tưởng .

D. Xây dựng phát triển kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Câu 17. Người trực tiếp nghiên cứu, phê phán chỉ đạo kế hoạch tác chiến từ Trung ương đến địa phương phục vụ cho chiến dịch Biên giới thu - đông 1950 là

A. Trường Trinh B. Vị Nguyên Giáp C. Phạm Văn Đồng **D. Hồ Chí Minh**

Câu 18. Ý nào sau đây phản ánh không đúng lí do ta phải kháng chiến chống Pháp (1946-1954) lâu dài

A. Ta cần thời gian để chuẩn bị lực lượng. B. Hậu phương của ta chưa vững mạnh.

C. Thế giới chưa ủng hộ cuộc kháng chiến của ta. D. Từ đầu cuộc kháng chiến ta yếu hơn địch.

Câu 20. Tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông Biên giới Việt -Trung, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, là mục tiêu của chiến dịch

A. Cuộc chiến đấu ở các đô thị B. Việt Bắc thu - đông 1947

C. Biên giới thu - đông 1950 D. Điện Biên Phủ - đông 1954

Câu 21. Tính nhân dân của cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954) thể hiện ở

A. mục đích kháng chiến của Đảng ta B. đường lối kháng chiến của Đảng ta

C. nội dung kháng chiến toàn dân của Đảng ta D. quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta

Câu 22. Quyết định toàn quốc kháng chiến chống Pháp của Ban thường vụ Trung ương Đảng họp (18-19/12/1946) thông qua tại

A. làng Đình Bảng- Bắc Ninh. B. số 312 Khâm Thiên -Hà Nội.

C. số 48 Hàng Ngang -Hà Nội. **D. làng Vạn Phúc -Hà Đông.**

Câu 23. Thực dân Pháp thực hiện “kế hoạch Rơ ve” nhằm mục đích

A. thiết lập các xứ Thái, Nùng tự trị. B. thu hút lực lượng chủ lực của ta để tiêu diệt.

C. khẳng định ưu thế về sức mạnh quân sự của Pháp.

D. “khóa cửa Biên giới Việt Trung” và “cô lập căn cứ địa Việt Bắc”.

Câu 24. Cú điểm ta tấn công mở màn trên đường số 4 trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950 là

A. Cao Bằng. **B. Đông Khê.** C. Thất Khê. D. Đình Lập.

Câu 25. Thắng lợi lớn nhất trong chiến dịch Biên giới thu đông 1950 là

A. loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8000 địch. B. bộ đội ta trưởng thành hơn trong chiến đấu.

C. giành thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

D. giải phóng đường biên giới Việt Trung từ Cao Bằng đến Đình Lập.

Câu 26. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947 diễn ra trong thời gian

A. 7/10/1947-19/12/1947 B. 7/10/1947-30/10/1947

C. 7/10/1947- 20/12/1947 D. 7/10/1947-19/11/1947

Câu 27. Điền các địa danh đúng trong chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 vào chỗ trống sau đây.....

A. Bông lau, Khoan Bộ. B. Đoan Hùng, Khoan Bộ

C. Đoan Hùng, Bông Lau. **D. Đoan Hùng, Khe Lau**

Câu 28. Cánh quân đầu tiên tấn công lên Việt Bắc trong chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947 là

- A. một bộ phận nhảy dù xuống thị xã Bắc Cạn.
- B. bộ binh và lính thủy đánh bộ từ sông Hồng lên sông Lô.
- C. binh đoàn bộ binh từ Lạng Sơn theo đường số 4 đánh lên Cao Bằng.
- D. bộ binh và lính thủy đánh bộ từ sông Hồng và sông Lô lên Tuyên Quang.

Câu 29. Hai hệ thống phòng ngự mà Pháp thiết lập ở Việt Nam năm 1950 là

- A. xây dựng “Vành đai trắng” và bao vây Việt Bắc.
- B. hệ thống phòng ngự đồng bằng Bắc Bộ và Trung Du.
- C. hệ thống phòng ngự trên đường số 4 và hành lang Đông Tây
- D. phòng tuyến “Boongke” và “Vành đai trắng” ở đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 30. Đường lối kháng chiến chống Pháp của Đảng ta (1946-1954) là

- A. kháng chiến toàn diện và trường kì.
- B. phải liên kết với cuộc kháng chiến của Lào và Campuchia.
- C. kháng chiến dựa và sức mình và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài.
- D. Toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ từ bên ngoài .

Câu 31. Tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Pháp thể hiện ở điểm

- A. Chủ trương sách lược của Đảng ta.
- B. Nội dung của đường lối kháng chiến của ta.
- C. Quyết tâm kháng chiến của toàn thể dân tộc ta.
- D. Mục đích cuộc kháng chiến của ta là chính nghĩa.

Câu 32. Mặt trận chủ yếu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp là

- A. quân sự
- B. chính trị
- C. kinh tế
- D. ngoại giao

Câu 32. Tác phẩm “kháng chiến nhất định thắng lợi” của...

- A. Chủ tịch Hồ Chí Minh
- B. Trường Chinh
- C. Phạm Văn Đồng
- D. Võ Nguyên Giáp

Câu 33. Ý nào sau đây phản ánh không đúng mục đích của cuộc kháng chiến chống Pháp giai đoạn đầu

- A. Để vây hãm địch, đảm bảo việc chuyển quân của ta.
- B. Để giành thế chủ động trên chiến trường chính ở Bắc Bộ.
- C. Để hậu phương kịp thời huy động lực lượng kháng chiến.
- D. Ta chủ động tiến công, tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch.

Câu 34. Thành phố kìm được chân địch lâu nhất trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp là

A. Huế. **B. Hà Nội.** C. Nam Định. D. Đà Nẵng.

Câu 35. Ý nào sau đây phản ánh không đúng mục đích của Pháp khi mở cuộc tấn công lên Việt Bắc?

A. Phá hậu phương kháng chiến, chặn đường tiếp tế.

B. Phá vỡ thế chủ động của ta, thành lập chính phủ bù nhìn.

C. Giành thắng lợi quân sự quyết định, kết thúc nhanh chiến tranh.

D. Phá căn cứ địa chính của cả nước, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta

Câu 36. Thắng lợi tiếp theo có ý nghĩa to lớn sau chiến dịch Việt Bắc năm 1947 là

A. Thắng lợi về kinh tế, chính trị. B. Thắng lợi về kinh tế, ngoại giao.

C. Thắng lợi về chính trị, ngoại giao. D. Thắng lợi về ngoại giao, văn hóa, giáo dục.

Câu 37. “Ở hướng Đông, quân ta phục kích chặn đánh địch nhiều trận trên đường số 4, cản bước tiến của chúng, tiêu biểu là trận đánh phục kích tại...”

A. đèo Bông Lau. B. chợ Mới, chợ Đồn. C. Đuan Hùng Khe Lau. D. Chiêm Hóa Tuyên Quang.

Câu 38. Chủ trương cải cách giáo dục phổ thông đầu tiên được chính phủ ban hành vào thời gian nào?

A. 5/1950 B. 6/1950 **C. 7/1950** D. 8/1950

Câu 39. Nước đầu tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ Việt Nam là

A. Lào. B. Liên Xô. **C. Trung Quốc.** D. Campuchia.

Câu 40. Pháp mở cuộc tấn công đầu tiên lên Việt Bắc thời gian nào?

A. 7/10/1947. B. 8/10/1947. C. 9/10/1947. D. 10/10/1947.

Câu 40. Ý nào sau đây phản ánh không đúng những thuận lợi của ta trước khi mở chiến dịch Biên Giới 1950?

A. 1/10/1949 cách mạng Trung Quốc thành công.

B. 13/5/1949 chính phủ Pháp đề ra kế hoạch Rơ ve.

C. Nhân dân tiến bộ trên thế giới phản đối cuộc chiến tranh của Pháp tại Đông Dương.

D. Tháng 1/1950 các nước XHCN lần lượt đặt quan hệ ngoại giao với nước VNDCCH.

Câu 41. Ngày 18 và 19/12/1946 Hội nghị Ban thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định vấn đề quan trọng

A. Quyết định ký Hiệp định Sơ bộ với Pháp.

B. Hoà hoãn với Pháp để kí Hiệp định Fontainebleau.

C. Quyết định ủng hộ dân nhân miền Nam kháng Pháp.

D. Phát động toàn quốc kháng chiến và đề ra đường lối kháng chiến.

Câu 42. “Không! Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.” đó là lời nói của

A. Chủ tịch Hồ Chí Minh.

B. Bí thư thứ nhất Lê Duẩn.

C. Tổng Bí thư Trường Chinh.

D. Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Câu 43. “Không! chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.” câu văn trên trích trong văn bản

A. Hịch Việt Minh.

B. Tuyên ngôn độc lập.

C. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến..

D. Lời kêu gọi nhân ngày thành lập Đảng.

Câu 44. Nguyên nhân bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc là

A. Quân ta khiêu khích Pháp.

B. Hội nghị Fontainebleau thất bại.

C. Nhân dân tự phát nổi dậy đánh Pháp.

D. Pháp gửi tối hậu thư buộc ta phải đầu hàng

Câu 45. Bản chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” do ai ban hành? Vào thời gian nào?

A. Đại hội Đảng lần II - 2/1951.

B. Trung ương Đảng - 22/2/1947.

C. Chủ tịch Hồ Chí Minh - 19/12/1946.

D. Ban Thường vụ Trung ương Đảng - 12/12/1946..

Câu 46. Hiệu lệnh chiến đấu trong toàn thủ đô Hà Nội, mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc là

A. Pháp ném bom Hà Nội.

B. Quân dân Hà Nội phá nhà máy xe lửa.

C. Nhà máy nước Hà Nội ngừng hoạt động.

D. Tối 19/12/1946, công nhân nhà máy Yên Phụ phá máy.

Câu 47. Lực lượng nào của ta giữ vai trò chủ yếu khi tiến hành cuộc chiến đấu ở Hà Nội

A. Vệ quốc quân.

B. Cứu quốc quân.

C. Trung đoàn Thủ đô.

D. Việt Nam giải phóng quân.

Câu 48. “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!” là lời khen ngợi của Hồ Chủ Tịch đối với

A. Vệ Quốc Quân.

B. Đội Cứu quốc quân.

C. Trung đoàn Thủ đô.

D. Việt Nam giải phóng quân.

Câu 49. Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược đã bùng nổ do

A. những hành động ngang ngược của Tưởng và tay sai.

B. được Mỹ giúp sức, thực dân Pháp đã nổ súng xâm lược nước ta.

C. quân Pháp được quân Anh che chở nên đã nổ súng xâm lược nước ta.

D. những hành động phá hoại Hiệp định sơ bộ và Tạm ước Việt – Pháp của thực dân Pháp.

Câu 50. Bản chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” của Ban thường vụ trung ương Đảng (12-12-1946) trình bày vấn đề

A. Kêu gọi toàn dân tham gia kháng chiến chống Pháp.

B. Kêu gọi các nước trên thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến của ta.

C. Biểu dương tinh thần chiến đấu dũng cảm của trung đoàn thủ đô.

D. Khái quát những nội dung cơ bản về đường lối kháng chiến chống Pháp..

Câu 51. Từ ngày 8-10 đến ngày 22-10-1950 Pháp đã rút khỏi những vị trí trên đường số 4

A. Thất Khê, Chiêm Hóa, Đại Thi, Nghĩa Lộ, Lộc Bình.

B. Thất Khê, Đông Khê, Đồng Đăng, Lộc Bình, Điện Biên.

C. Tiên Yên, Na Sầm, Lạng Sơn, An Châu, Đình Lập, Bắc Cạn.

D. Thất Khê, Na Sầm, Đồng Đăng, Lạng Sơn, Lộc Bình, Đình Lập.

Câu 52. Sắp xếp mốc thời gian ở cột I với nội dung sự kiện ở cột II về chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950

(I) Thời gian	(II) Nội dung
1) 16-9-1950	a) giải phóng đường số 4
2) 18-9-1950	b) quân ta tấn công Đông Khê
3) 13-10-1950	c) quân Pháp rút khỏi Na Sầm về Lạng Sơn
4) 22-10-1950	d) quân ta tiêu diệt hoàn toàn cụm cứ điểm Đông Khê

A. 1-b; 2-d; 3-c; 4-a B. 1-c; 2-d; 3-a; 4-b C. 1-a; 2-b; 3-c; 4-d D. 1-d; 2-a; 3-b; 4-c

Câu 53. Sau khi mất Đông Khê, Pháp đã thực hiện cuộc hành quân kép như thế nào?

A. Từ Cao Bằng lên Bắc Cạn và từ Hà Nội đánh lên Thái Nguyên.

B. Quân dù tấn công Bắc Cạn và quân Thủy theo sông Lô tiến lên Tuyên Quang.

C. Từ sông Lô tấn công Chiêm Hóa và từ Thất Khê đón cánh quân từ Cao Bằng về.

D. Cho quân đánh lên Thái Nguyên và cho quân từ Thất Khê lên đón cánh quân từ Cao Bằng rút về.

Câu 54. Quan sát bức ảnh dưới và cho biết Bác Hồ đang trực tiếp chỉ huy tại



A. Chiến đấu tại các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16.

B. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947.

C. Chiến dịch Biên giới thu –đông năm 1950.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Câu 55. Chọn câu trả lời đúng nhất trong số các câu từ A đến D điền vào dấu chấm (...) để hoàn thiện đoạn tư liệu về Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải (a....). Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng (b.....)!”

A. a. đấu tranh, b. cướp nước ta lần nữa.

B. a. nhượng bộ Pháp, b. sợ bị thất bại tại Việt Nam.

C. a. nhân nhượng, b. quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

D. a. nhân nhượng, b. muốn hoàn thành cuộc chiến tranh.

Câu 56. Ngày 18-12-1946, Pháp gửi tối hậu thư đòi chính phủ ta phải giải tán lực lượng chiến đấu, để

A. quân Pháp chiếm đóng cơ quan Bộ Tài chính

B. cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự tại Hà Nội.

- C. chậm nhất sáng 20-12-1946 Pháp sẽ nổ súng tấn công ta.
- D. quân Pháp bắn súng, ném lựu đạn vào Hà Nội, Hải Phòng.

Câu 57. Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài Đảng, Chính phủ lãnh đạo và tổ chức nhân dân cả nước

- A. xây dựng lực lượng kháng chiến về mọi mặt.
- B. thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.
- C. tập trung phát triển về kinh tế, văn hóa-xã hội.
- D. thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện.

Câu 58. Nội dung nào không nằm trong ý nghĩa của chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950

- A. mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.
- B. quân đội ta giành thế chủ động trên chiến trường chính.
- C. buộc thực dân Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.
- D. khai thông đường liên lạc của ta với các nước xã hội chủ nghĩa.

Câu 59. “Hành lang Đông-Tây” của Pháp nối liền 4 tỉnh

- A. Hải Phòng- Hà Nội- Hòa Bình- Sơn La.
- B. Hòa Bình- Sơn La- Hà Nội- Hải Phòng.
- C. Lạng Sơn- Hải Phòng- Hà Nội- Hòa Bình.
- D. Hòa Bình- Hà Nội- Hải Dương- Hải Phòng.

Câu 60. Ngày 8-5-1950 Mỹ đồng ý viện trợ kinh tế, quân sự cho Pháp nhằm

- A. thay chân thực dân Pháp độc chiếm Đông Dương.
- B. từng bước dính líu trực tiếp vào chiến tranh Đông Dương.
- C. chính thức can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương.
- D. từng bước nắm quyền điều khiển trực tiếp chiến tranh ở Đông Dương.

BÀI 19

BƯỚC PHÁT TRIỂN CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN TRÔNG THỰC DÂN PHÁP (1951-1953)

Câu 1. Bước sang giai đoạn từ 1951 đến 1953 cuộc xâm lược của Pháp có sự giúp đỡ chủ yếu của nước

- A. Mỹ
- B. Anh
- C. Nhật
- D. Đức

Câu 2. Tháng 9 năm 1951, Mỹ kí với Bảo Đại hiệp ước hợp tác kinh tế Việt-Mĩ nhằm mục đích

- A. trực tiếp rằng buộc chính phủ Bảo Đại vào Mỹ
- B. thúc đẩy phát triển của kinh tế của chính phủ Bảo Đại
- C. hạn chế sự phát triển kinh tế của Việt Nam

D. đưa cuộc kháng chiến của ta phát triển

Câu 3. Mỹ đã kí với Pháp hiệp định phòng thủ chung Đông Dương vào thời gian nào?

- A. Ngày 20-12-1950 B. Ngày 21-12-1950 C. Ngày 22-12-1950 **D. Ngày 23-12-1950**

Câu 4. Mỹ từng bước can thiệp sâu vào cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương

- A. từ tháng 5-1949** B. từ tháng 6-1949 C. từ tháng 7-1950 D. từ tháng 8-1950

Câu 5. Cuối năm 1950, Pháp đề ra kế hoạch nào để mong muốn kết thúc chiến tranh?

- A. Kế hoạch Rơ_Ve
B. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi
C. Kế hoạch Mác san
D. Kế hoạch Nava

Câu 6. Sự kiện chính trị nào quan trọng nhất ở Việt Nam từ 1951-1952 ?

- A. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2 năm 1951)**
B. Đại hội thống nhất Việt Minh- Liên Việt(tháng 3 năm 1951)
C. Hội nghị thành lập “liên minh Việt-Miên-Lào”
D. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ I(tháng 5 năm 1952)

Câu 7. Trong kháng chiến chống Pháp trên mặt trận kinh tế đảng và chính phủ đã đề ra một cuộc vận động lớn về sản xuất và tiết kiệm được diễn ra trong thời gian nào?

- A. Năm 1951
B. Năm 1952
C. Năm 1953
D. Năm 1954

Câu 8. Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất đã chọn được:

- A. 5 anh hùng
B. 6 anh hùng
C. 7 anh hùng
D. 8 anh hùng

Câu 9. Sự kiện nào sau đây mang lợi ích cho nông dân trong những năm 1951-1953 ?

- A. Thành lập ngân hàng quốc gia Việt Nam(1951)
B. Ban hành chính sách về thuế nông nghiệp(1951)
C. Phát hành đồng giấy bạc Việt Nam mới(1951)

D. Chính phủ đề ra cuộc vận động lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm(1952)

Câu 10. Đảng và chính phủ chủ trương phát động quần chúng triệt để giảm tô, cải cách ruộng đất, lý do nào sau đây không đúng?

A. Xóa bỏ sự bóc lột của địa chủ phong kiến đối với nông dân

B. Thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng”

C. Nông dân phần khởi ủng hộ cuộc kháng chiến

D. Vì giai cấp địa chủ là trở lực cho cuộc kháng chiến.

Câu 12. Đại hội nào đã quyết định tách Đảng cộng sản Đông Dương để thành lập ở mỗi nước Việt Nam-Lào-Cam pu chia một Đảng Mác Lê Nin?

A. Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng cộng sản Đông Dương(3-1935)

B. Đại hội đại biểu lần thứ II của đảng(2-1951)

C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của đảng(9-1960)

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(12-1986)

Câu 11. Đại hội nào quyết định đưa Đảng cộng sản Đông Dương ra hoạt động công khai?

A. Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng cộng sản Đông Dương(3-1935)

B. Đại hội đại biểu lần thứ II của đảng(2-1951)

C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của đảng(9-1960)

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(12-1986)

Câu 12. Đại hội nào quyết định Đảng cộng sản đông dương đổi tên thành Đảng lao động Việt Nam?

A. Đại hội đại biểu lần thứ I Đảng cộng sản Đông Dương(3-1935)

B. Đại hội đại biểu lần thứ II của đảng(2-1951)

C. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của đảng(9-1960)

D. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI(12-1986)

Câu 13. Để bồi dưỡng sức dân thời gian nào Đảng,chính phủ đã phát động giảm tô và cải cách ruộng đất?

cải cách ruộng

A. 1953

B. 1954

C. 1955

D. 1956

Câu 14. Thời gian nào Pháp đã đề ra kế hoạch Đờ-lát-đơ-tát-xi-nhi?

A. 1950

B. 1951

C. 1952

D. 1954

Câu 15. kế hoạch nào của Pháp đã làm cho cuộc kháng chiến của ta ở vùng sau lưng địch trở nên khó khăn?

A. Kế hoạch Rove

B. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi

C. Kế hoạch Macsan

D. Kế hoạch Nava

Câu 16. Một trong những điểm chính của kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhhi là

- A. đánh phá hậu phương, thả thổ phi thả gián điệp
- B. giữ thế phòng ngự ở bắc bộ ở miền bắc
- C. ra sức phát triển nguy quân
- D. xây dựng đội quân cơ động chiến lược mạnh

Câu 17. Đại Hội kháng chiến thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp là

- A. Đại Hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng
- B. Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng
- C. Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng
- D. Đại Hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI

Câu 18. Đại Hội đại biểu lần thứ II của Đảng họp tại

- A. xã Vinh Quang (Chiêm Hóa-Tuyên Quang)
- B. Ma Cao (Trung Quốc)
- C. Thủ đô Hà Nội
- D. Hóc Môn (Gia Định)

Câu 19. Cuối năm 1950 Pháp đề ra kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhhi là

- A. mong muốn kết thúc chiến tranh
- B. chuyển từ bại thành thắng
- C. phát triển lực lượng cơ động
- D. đánh phá hậu phương của ta

Câu 20. Từ 4-1953 đến 7-1954 Đảng ta đã tiến hành mấy đợt cải cách ruộng đất ?

- A. Thực hiện 1 đợt cải cách ruộng đất
- B. Thực hiện 2 đợt cải cách ruộng đất
- C. Thực hiện 3 đợt cải cách ruộng đất
- D. Thực hiện 4 đợt cải cách ruộng đất

Câu 21. Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam do ai làm chủ tịch ?

- A. Tôn Đức Thắng
- B. Trường Chinh
- C. Lê Duẩn
- D. Nguyễn Văn Cừ

Câu 22. Kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi Pháp đã thành lập

- A. “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Bắc Bộ
- B. “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Nam Bộ
- C. “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng sông Cửu Long
- D. “vành đai trắng” bao quanh Trung du và đồng bằng Duyên Hải Miền Trung

Câu 23. Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng quyết định xuất bản

- A. báo giáo dục
- B. báo Nhân dân
- C. báo Tiền Phong
- D. báo đời sống

Câu 24. Một trong những điểm giống nhau giữa kế hoạch Đờ Lát đơ Tátxinhi với kế hoạch Nava là

- A. thả thỏ phi ở khắp mọi nơi
- B. tập trung lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ
- C. xóa bỏ vùng tự do Liên khu V
- D. tiến hành “chiến tranh tổng lực”

Câu 25. Vì sao Đại Hội II của Đảng đánh dấu một mốc quan trọng trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng ta ?

- A. Đưa Đảng tiếp tục hoạt động cách mạng
- B. Đảng ta tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến
- C. Đảng ta đã hoạt động công khai
- D. Đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng lao động Việt Nam

Câu 26. Mặt trận Liên Việt ra đời vào khoảng thời gian nào ?

- A. 19-2-1950
- B. 5-6-1951
- C. 3-3-1951
- D. 3-6-1951

Câu 27. Trong 7 anh hùng được chọn để biểu dương trong phong trào thi đua ái quốc (1-5-1952) có anh hùng nào tham gia chiến dịch biên giới Thu Đông

- A. Cù Chính Lan, Trần Đại Nghĩa
- B. La Văn Cầu
- C. Nguyễn Thị Chiên

D. Ngô Gia Khảm

Câu 28. “Gấp rút tập trung quân Âu-Phi, xây dựng lực lượng cơ động chiến lược mạnh, ra sức phát triển nguy quân” đó là một trong những điểm chính của kế hoạch nào?

A. Rove

B. Nava

C. Đờ Lát đơ Tátxinhhi

D. Đờ-cát-tơ-ri

Câu 29. Liên minh nhân dân Việt-Miên-Lào thành lập để đấu tranh chống

A. Pháp và tay sai

B. Pháp và can thiệp Mĩ

C. Pháp-Nhật

D. Pháp

Câu 30. Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu lần thứ nhất trên toàn quốc diễn ra vào thời gian nào ?

A. 1-5-1952

B. 2-5-1952

C. 3-4-1952

D. 7-2-1952

BÀI 20. CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC CHỐNG THỰC DÂN PHÁP KẾT THÚC 1953-1954

Câu 1. Pháp cử tướng NaVa sang Đông Dương vì

A. sau 8 năm quay lại xâm lược Pháp bị thiệt hại nặng nề.

B. chiến tranh Triều Tiên(1950-1953) đã kết thúc.

C. nhân dân Pháp phản đối chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. bị Mĩ ép kéo dài và mở rộng chiến tranh.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là chủ trương của Đảng ta trong Đông-Xuân 1953-1954?

A. trong vòng 18 tháng phải đánh bại Pháp.

B. ta tránh giao chiến ở miền Bắc để chuẩn bị đàm phán.

C. giành thắng lợi nhanh chóng về quân sự để kết thúc chiến tranh.

D. tập trung lực lượng tiến công vào những hướng chiến lược quan trọng mà địch tương đối yếu.

Câu 3. Khẩu hiệu do Đảng và chính phủ ta nêu ra trong chiến dịch Điện Biên Phủ là

A. tốc chiến,tốc thắng để nhanh chóng kết thúc chiến dịch.

B. tất cả cho tiền tuyến,tất cả để chiến thắng.

C. tiêu diệt hết quân địch ở Điện Biên Phủ.

D. biến Điện Biên Phủ thành mồ chôn giặc Pháp.

Câu 4. Nguyên tắc quan trọng nhất của Việt Nam trong kí Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và Hiệp định Giơ-ne-vơ 21-7-1954 là.

A. phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù.

B. đảm bảo giành thắng lợi từng bước.

C. giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

D. không vi phạm chủ quyền dân tộc.

Câu 5. Điểm mạnh nhất của kế hoạch Nava trên chiến trường Đông Dương là

A. tập trung quân cơ động nhất và phương tiện chiến tranh hiện đại.

B. tập trung tối đa lực lượng chủ lực ở đồng bằng Bắc bộ.

C. phân bố đều lực lượng ra khắp chiến trường chính.

D. trang bị phương tiện vũ khí hiện đại.

Câu 6. Đầu năm 1953, để cứu vãn tình thế ở Đông Dương, Pháp và Mĩ lập ra kế hoạch quân sự mang tên

A. Rơ-ve.

B. Na va.

C. Xơ-lăng

D. Đơ-lat -đơ-tat-xi-nhi.

Câu 7. Chủ trương quân sự được BCH TW Đảng ta đề ra trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 là

A. tăng cường chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch.

B. thực hiện phương châm tích cực,chủ động,linh hoạt.

C. tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch ở nơi địch tập trung đông.

D. tập trung tiêu diệt sinh lực địch ở những nơi địch tương đối yếu.

Câu 8. Trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954, những hướng tiến công chiến lược của ta làm phân tán lực lượng địch là

A. Lai Châu,Trung Lào,Thượng Lào,Tây Nguyên.

B. Tây Bắc, Trung Lào, Tây Nguyên, Thượng Lào.

C. Đồng bằng Bắc Bộ, Tây Nguyên, Thượng Lào.

D. Tây Nguyên, Hòa Bình, Đồng bằng Bắc Bộ.

Câu 9. Nava tập trung binh lực lên Điện Biên Phủ với mục đích gì?

A. biến Điện Biên Phủ thành nơi tập trung quân chủ lực.

B. biến Điện Biên Phủ thành căn cứ phòng thủ vững chắc.

C. cứu nguy cho kế hoạch Na va bước đầu bị phá sản.

D. xây dựng Điện Biên Phủ thành căn cứ tiêu diệt quân chủ lực của ta.

Câu 10. Phương châm ban đầu của TW Đảng ta khi quyết định chọn Điện Biên Phủ là trận quyết chiến chiến lược là gì?

A. đánh du kích.

B. đánh chắc, tiến chắc.

C. đánh nhanh, thắng nhanh. D. kết hợp đánh công kiên với đánh du kích.

Câu 11. Chiến thắng lịch sử nào đã diễn ra trong 56 ngày đêm từ 13/3/1954 đến 7/5/1954?

A. Chiến dịch Quang Trung. B. Điện Biên Phủ trên không

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ. D. Chiến dịch Thượng Lào.

Câu 12. Hội nghị quốc tế nào đã chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương?

A. Giơ-ne-vơ. B. Poxđam. C. Ianta. D. Pa-ri.

Câu 13. Những quốc gia nào tham dự Hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương?

A. Mĩ, Anh, Pháp, Việt Nam. B. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Việt Nam.

C. Việt Nam, Lào, Campuchia, Mĩ, Anh. D. Mĩ, Pháp, Liên Xô, Việt Nam, Lào.

Câu 14. Hiệp định Giơ-ne-vơ là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận

A. quyền tự do của các nước Đông Dương.

B. các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

C. quyền chuyển quân tập kết theo giới tuyến quân sự tạm thời.

D. các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương.

Câu 15. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954 là

A. sự đoàn kết của 3 nước Đông Dương. B. sự giúp đỡ của quốc tế.

C. do nhân dân ta có truyền thống yêu nước.

D. do sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với đường lối kháng chiến đúng đắn.

Câu 16. Hãy liên kết chính xác nhất thời gian ở cột I với sự kiện ở cột II.

Thời gian - I	Sự kiện - II
1. Tháng 9-1953	a. định Giơ-ne-vơ được kí kết
2. Ngày 10-12-1953	b. Na va được cử làm tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương
3. Ngày 7-5-1953	c. Ta mở cuộc tiến công thị xã Lai Châu
4. Ngày 21-7-1954	d. Bộ chính trị họp bàn kế hoạch Đông-Xuân 1953-1954

A. 1a,2b,3c,4d. B. 1d,2c,3b,4a. C. 1c,2b,3a,4d. D. 1b,2d,3c,4a.

Câu 17. Chiến thắng nào trên mặt trận quân sự quyết định đến thắng lợi của ta trên bàn Hội nghị Giơ-ne-vơ ?

A. Chiến thắng Biên Giới 1950. B. Chiến thắng Tây Bắc 1953.

C. Chiến thắng Điện Biên Phủ. D. Chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954.

Câu 18. Thắng lợi nào đã chuẩn bị về vật chất và tinh thần để ta mở cuộc tiến công quyết định vào Điện Biên Phủ?

A. Chiến cuộc Đông- Xuân 1953-1954.

B. Chiến dịch Thượng Lào 1/1954.

C. Chiến dịch tiến công thị xã Lai Châu 12/1953.

D. Chiến dịch tiến công Trung Lào 12/1953.

Câu 19. Lí do nào sau đây **không** đúng khi nói về việc ta chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với Pháp?

A. ta có đủ điều kiện để đánh địch ở Điện Biên Phủ.

B. ta cho rằng Điện Biên Phủ nằm trong kế hoạch Nava ngay từ đầu.

C. Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhưng vẫn có hạn chế.

D. Điện Biên Phủ có vị trí chiến lược then chốt ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Câu 20. Âm mưu của Pháp, Mĩ trong xây dựng Điện Biên Phủ là

A. chọn Điện Biên Phủ làm điểm quyết chiến chiến lược với ta.

B. gây khó khăn cho quân chủ lực của ta.

C. biến Điện Biên Phủ thành căn cứ tiêu diệt chủ lực của ta.

D. biến Điện Biên Phủ thành trung tâm của kế hoạch Na va.

Câu 21. Kết quả lớn nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 là gì?

A. làm thất bại kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp.

B. làm bước đầu phá sản kế hoạch Na-va.

C. làm thất bại hoàn toàn kế hoạch Na-va.

D. tạo điều kiện quyết định cho ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 22. Trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 ta đã phân tán lực lượng địch ra những vùng nào?

A. Lai Châu, Thượng Lào, Playcu.

B. Điện Biên Phủ, Xê-nô, Luông Phabang, Playcu.

C. Điện Biên Phủ, Luông Phabang, Playcu.

D. Lai Châu, Mường Sài, Luông Phabang, Playcu.

Câu 23. Nội dung cơ bản trong bước 1 của kế hoạch quân sự Na-va là.

A. chủ động tấn công chiến trường Bắc Bộ.

B. giữ thế phòng ngự chiến lược ở Bắc Bộ.

C. tấn công chủ yếu vào Đông Nam Bộ.

D. bình định chiến trường chính Bắc Bộ.

Câu 24. Lực lượng cơ động mạnh nhất của Pháp trong kế hoạch Na-va tập trung tại

A. Trung du Bắc Bộ.

B. đồng bằng Bắc Bộ.

C. miền núi phía Bắc.

D. bắc Trung Bộ.

Câu 25. Đợt tiến công mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ quân ta chọn đánh vào đâu?

A. Sân bay Mường Thanh. B. Phân khu trung tâm. **C. Phân khu Bắc.** D. Phân khu Nam.

Câu 26. Thắng lợi có tính chất quyết định trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954 là thắng lợi trên mặt trận.

A. chính trị. **B. quân sự.** C. ngoại giao. D. kinh tế, văn hóa.

Câu 27. Hiệp định Giơ-ne-vơ đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp song chưa trọn vẹn vì.

A. mới giải phóng được miền Bắc.

B. Hiệp định mới chỉ công nhận quyền tự do của Việt Nam.

C. chỉ có những nước kí Hiệp định mới có trách nhiệm thi hành.

D. chưa đề cập tới các quyền dân tộc cơ bản của cả 3 nước Đông Dương.

Câu 28. Văn bản pháp lí quốc tế nào buộc Pháp phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước?

A. Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946. **B. Hiệp định Giơ-ne-vơ.** C. Tạm ước 14-9-1946. D. Hiệp định Pa-ri.

Câu 29. Thắng lợi nào sau đây làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng, quốc tế hóa chiến tranh xâm lược Đông Dương của đế quốc Mỹ?

A. Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954.

B. Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

C. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

D. Hiệp định Pa-ri.

Câu 30. Thắng lợi quân sự nào có tính chất quyết định buộc Pháp phải kí Hiệp định Giơ-ne-vơ ?

A. Chiến dịch Biên Giới 1950.

B. Chiến dịch Thượng Lào 1953.

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954.

D. Chiến cuộc Đông –Xuân 1953-1954.

Câu 31. Nội dung nào sau đây **không** thuộc Hiệp định Giơ-ne-vơ?

A. Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong cả nước vào tháng 7-1956.

B. Trách nhiệm thi hành thuộc về người kí Hiệp định và những người kế tục họ.

C. Hai bên ngừng bắn ở Nam Bộ để giải quyết vấn đề Đông Dương bằng con đường hòa bình.

D. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương.

Câu 32. Chọn một câu trả lời đúng nhất để điền vào chỗ trống hoàn thiện đoạn tư liệu nói về phương hướng chiến lược của ta trong chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954:

“Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch (a), nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải (b) phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ...”

A. a. tập trung đông, b. chủ động.

B. a. sơ hở, b. bị động.

C. a. tương đối yếu, b. bị động.

D. a. tập trung ít, b. chủ động.

Câu 33. Vì sao Mỹ và Pháp đánh giá Điện Biên Phủ là “pháo đài bất khả xâm phạm”?

C. Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, lực lượng đông , vũ khí hiện đại.

A. Điện Biên Phủ là hệ thống phòng thủ kiên cố nhất Đông Dương.

B. Điện Biên Phủ là nơi tập trung lực lượng quân đông.

D. Điện Biên Phủ có vị trí then chốt của châu Á.

Câu 34. Chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 đã bước đầu làm phá sản kế hoạch Na-va vì

A. ta đã tiêu diệt được phần lớn sinh lực địch.

B. ta buộc Pháp phải thay đổi kế hoạch Na-va.

C. ta đã tiêu diệt được lực lượng lớn địch ở đồng bằng Bắc Bộ.

D. ta buộc địch phải phân tán đối phó với ta ở những địa bàn xung yếu.

Câu 35. Âm mưu mới của Pháp và Mỹ khi bước vào chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954 là

A. nhanh chóng kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

B. bình định Việt Nam và Đông Dương để tập trung khai thác.

D. giành lại thế chủ động trên chiến trường chính của Đông Dương.

C. giành một thắng lợi quân sự quyết định nhằm ”kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

Câu 36. Pháp quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ trong bối cảnh

A. lực lượng cơ động của chúng đang rất mạnh.

B. kế hoạch quân sự Na-va bước đầu bị phá sản.

C. Mỹ đang tăng cường can thiệp sâu vào Đông Dương.

D. quân Pháp liên tiếp giành thắng lợi ở các chiến trường.

Câu 37. Chiến thắng nào có ý nghĩa làm xoay chuyển cục diện chiến tranh trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954?

A. Chiến dịch Biên Giới 1950.

B. Chiến dịch Việt Bắc 1947.

C. Chiến dịch Thượng Lào 1953.

D. Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Câu 38. Kế hoạch Na-va của Pháp ra đời trong bối cảnh nào?

A. Pháp đang huy động lực lượng mở rộng chiến tranh.

B. Pháp đang giành nhiều thắng lợi trên chiến trường.

C. Pháp ngày càng suy yếu ,sa lầy vào thế bị động.

D. Pháp đã làm chủ được chiến trường Bắc Bộ.

Câu 39. Phương châm được Đảng ta quán triệt trong toàn bộ cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 là.

A. chủ động đánh địch ở mọi nơi.

B. đánh địch với hình thức linh hoạt.

C. xây dựng đội quân chiến đấu cơ động. **D. tích cực, chủ động, cơ động và linh hoạt.**

Câu 40. Một trong những hạn chế khi Pháp xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là.

A. không nằm trong kế hoạch Nava ban đầu. B. địa bàn quá rộng và hiểm trở.

C. lực lượng của Pháp không đủ. D. không được Mỹ ủng hộ.

Câu 41. Phương châm tác chiến cuối cùng của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ là.

A. đánh nhanh, thắng nhanh. **B. đánh ăn chắc, tiến ăn chắc.**

C. đánh du kích. D. đánh lâu dài.

Câu 42. Sự kiện lịch sử tiêu biểu nào diễn ra ngày 13/3/1954?

A. mở màn chiến cuộc Đông-Xuân 1953-1954. B. kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ.

C. mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. D. mở màn chiến dịch Tây Nguyên.

Câu 43. Điểm khác biệt nhất trong nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 và Hiệp định Pari 1973 là

A. lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến quân sự tạm thời.

B. không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

C. hai bên ngừng bắn, tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực.

D. cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

Câu 44. Lực lượng đông nhất của Pháp ở Điện Biên phủ là

A. 16.000 quân.

B. 16.100 quân.

C. 16.200 quân.

D. 16.300 quân.

Câu 45. Phương tiện vận tải phổ biến phục vụ cho chiến dịch Điện Biên Phủ là

A. ô tô tải.

B. ngựa thồ. **C. xe đạp thồ.**

D. bè, mảng.

Câu 46. Hội nghị Giơ-ne-vơ 1954 bàn về lập lại hòa bình ở Đông Dương diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. từ 26/04/1954 đến 21/07/1954. B. từ 01/05/1954 đến 21/07/1954.

C. từ 07/05/1954 đến 21/07/1954. **D. từ 08/04/1954 đến 21/07/1954.**

Câu 47. Quyền dân tộc cơ bản được ghi nhận trong Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 là

A. Quyền tự chủ, tự quyết, toàn vẹn lãnh thổ.

B. độc lập, lựa chọn con đường phát triển phù hợp với dân tộc.

C. độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

D. độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Đông Dương.

Câu 48. Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, Việt Nam sẽ thống nhất bằng con đường

A. trưng cầu dân ý 2 miền Nam Bắc.

B. tổng tuyển cử tự do trong cả nước.

C. trưng cầu dân ý của nhân dân Bắc Bộ. D. trưng cầu dân ý của nhân dân Nam Bộ.

Câu 49. Bài học cách mạng nào của cuộc kháng chiến chống Pháp được Đảng ta vận dụng để giải quyết vấn đề biên đảo hiện nay?

- A. sử dụng sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. B. kết hợp đấu tranh chính trị và quân sự.
C. đấu tranh quân sự là chủ yếu. D. kết hợp đấu tranh kinh tế, văn hóa.

Câu 50. Pháp xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ gồm

- A. 4 phân khu, 39 cứ điểm B. 3 phân khu, 39 cứ điểm.
C. 4 phân khu, 49 cứ điểm. D. 3 phân khu, 49 cứ điểm.

Câu 51. Trong bước 2 của kế hoạch Na-va, Pháp dự định tập trung lực lượng vào chiến trường nào là chủ yếu?

- A. Đồng bằng Bắc Bộ. B. Trung bộ C. Tây Bắc. D. Nam Bộ.

Câu 52. Địa điểm nào diễn ra trận chiến đấu giằng co và ác liệt nhất giữa ta và địch trong chiến dịch Điện Biên Phủ?

- A. Cứ điểm Him Lam. B. Sân bay Mường Thanh.
C. sở chỉ huy của địch. D. Đồi A1, C1.

Câu 53. Trong Đông –Xuân 1953-1954, phong trào chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch phát triển mạnh ở những khu vực nào?

- A. Nam bộ, trung bộ, Bình-Trị -Thiên, đồng bằng Bắc Bộ.
B. Tây Nguyên, Nam Bộ, Bình –Trị-Thiên.
C. Trung bộ, Nam bộ, Tây Nguyên.
D. Quảng Trị, Tây Nguyên, Nam Bộ.

Câu 54. Nguyên nhân khách quan làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam 1945-1954 là

- A. Sự đoàn kết của 3 nước Đông Dương và các lực lượng tiến bộ trên thế giới.
B. Sự lãnh đạo sang suốt của Đảng, đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh.
C. Tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam và Đông Dương.
D. Sự giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô.

Câu 55. Thời gian kết thúc của chiến dịch Điện Biên Phủ là

- A. 17h20phút ngày 7-5-1954.
B. 17h30phút ngày 7-5-1954.
C. 18h30phút ngày 7-5-1954.
D. 19h00 phút ngày 7-5-1954.

Câu 56. Trong Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ ta đã loại khỏi vòng chiến đấu bao nhiêu quân địch?

- A. 125.000. B. 128.200. C. 130.000. D. 128.000.

Câu 57. Tổng số quân được ta huy động trong chiến dịch Điện Biên Phủ là.

- A. 50.000. B. 52.000. C. 54.000. D. 55.000.

Câu 58. Lực lượng vũ trang 3 thứ quân được sử dụng trong kháng chiến chống Pháp gồm

A. pháo binh, công binh, bộ binh. B. bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực.

C. bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích.

D. bộ đội chủ lực, thanh niên xung phong, dân quân du kích.

Câu 59. Tình hình quân đội Pháp tại Điện Biên Phủ sau cuộc tiến công đợt 1 của quân ta là

A. Pháp mất sân bay Hồng Cúm bị bao vây ở phân khu trung tâm.

B. Pháp mất cứ điểm Him Lam và toàn bộ phân khu Bắc.

C. Pháp bị cắt đứt hoàn toàn khả năng tiếp viện.

D. Pháp mất sân bay Mường Thanh và phân khu Bắc.

Câu 60. Chỉ huy chính của ta trong chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 là ai?

A. Võ Nguyên Giáp. B. Nguyễn Tuân. C. Hồ Chí Minh.

D. Trường Chinh.